

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**VẤN ĐỀ LO LẮNG KHI ĐỌC TIẾNG HÀN CỦA SINH VIÊN
KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA HÀN QUỐC,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
NGUYỄN THỊ BÌNH SƠN***

TÓM TẮT: Nghiên cứu khảo sát mức độ lo lắng khi đọc văn bản tiếng Hàn của 118 sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn bằng phương pháp khảo sát và phỏng vấn. Kết quả cho thấy mức độ lo lắng của sinh viên khi đọc tiếng Hàn ở mức trung bình. Các yếu tố gây lo lắng lớn nhất bao gồm việc hiểu nghĩa của từ nhưng không nắm được ý đồ của tác giả, gặp chủ đề không quen thuộc, và thiếu vốn từ. Tuy nhiên, người học cũng bày tỏ sự yêu thích đối với việc đọc tiếng Hàn và cho rằng việc đọc sẽ trở nên ít khó khăn hơn khi quen với ngôn ngữ này. Nghiên cứu cung cấp cái nhìn sơ lược về các mối lo ngại mà sinh viên có thể gặp phải, đồng thời đề xuất định hướng giảng dạy kỹ năng đọc tiếng Hàn.

TỪ KHOẢ: lo lắng khi đọc; kỹ năng đọc tiếng Hàn; sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn; giảng dạy đọc tiếng Hàn; học tiếng Hàn tại Việt Nam.

NHẬN BÀI: 22/01/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/03/2025

1. Đặt vấn đề

Khi đọc một ngoại ngữ, người đọc có thể cảm thấy lo lắng do hình dạng và hệ thống chữ viết lạ, từ vựng hoặc ngữ pháp không biết, chủ đề và nội dung không quen thuộc, câu văn dài hoặc nhiều lớp nghĩa, ngữ cảnh phức tạp và khác biệt văn hóa, v.v. Do đó, để đảm bảo việc dạy và học Đọc tiếng Hàn diễn ra hiệu quả, người dạy cần hiểu rõ những lo lắng khi đọc tiếng Hàn của người học. Cho đến nay, đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề này, chẳng hạn: Li (2010), Lee (2012a, 2012b), Jang (2014), Kim (2014), Jang & Kim (2014), Park & Kim (2017a), Park & Kim (2017b), Park (2018), Lee & Kwon (2019), Myat (2019a, 2019b), Lee & Park (2019), Park (2020), Lee (2020), v.v. Các nghiên cứu này đã tiến hành điều tra mức độ lo lắng khi đọc tiếng Hàn của nhiều đối tượng người học khác nhau. Tuy nhiên, ngoại trừ Lee Da-seum và Park Seong-hee (2019) và Lee Da-seum (2020), hầu như chưa có các nghiên cứu làm rõ lo lắng khi đọc tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam.

Mặt khác, Lee & Park (2019) và Lee (2020) đã chọn những sinh viên Việt Nam đang theo học tại các trường đại học Hàn Quốc để tiến hành điều tra. Theo Ehrman & Oxford (1995), vì người học chịu ảnh hưởng rất lớn từ môi trường học tập nên cần phải điều tra thực nghiệm xem có sự khác biệt về nỗi lo lắng khi đọc giữa người Việt Nam học tiếng Hàn ở Hàn Quốc và ở Việt Nam hay không. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích kiểm tra các đặc điểm liên quan đến lo lắng khi đọc của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn tại đại học Việt Nam để làm rõ vấn đề này.

2. Cơ sở lý luận

Lo lắng thông thường là cảm giác khó chịu, căng thẳng, lo âu hoặc sợ hãi. Do đó, lo lắng trong ngoại ngữ ngữ được hiểu là sự căng thẳng, lo âu hoặc sợ hãi xuất hiện khi học một ngoại ngữ. Horwitz, Horwitz & Cope (1986, tr.128) cho rằng, lo lắng về ngoại ngữ (Foreign Language Anxiety) là một phức hợp riêng biệt của nhận thức về bản thân, niềm tin, cảm xúc và hành vi liên quan đến việc học ngôn ngữ trong lớp học phát sinh từ tính độc đáo của quá trình học ngôn ngữ. MacIntyre & Gardner (1994) định nghĩa lo lắng về ngoại ngữ là cảm giác lo lắng hoặc sợ hãi phát sinh trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ. Trong bốn kỹ năng của ngôn ngữ, Nói được biết đến là kỹ năng ngôn ngữ gây căng thẳng nhất đối với cả người dạy và người học ngoại ngữ. Vì lý do này, nghiên cứu về lo lắng khi học ngoại ngữ chủ yếu tập trung vào hiệu suất ngôn ngữ. Tuy nhiên, Saito và nnk (1999) cho rằng, lo lắng khi đọc ngoại ngữ là một khái niệm độc lập và khác biệt với nỗi lo lắng khi học ngoại ngữ, thường liên quan đến hành vi nói. Dựa trên các thảo luận trên, lo lắng khi đọc

*TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: ntbson@ufl.udn.vn

ngoại ngữ có thể được hiểu là một phức hợp gồm nhận thức về bản thân, niềm tin, cảm xúc và hành vi liên quan đến quá trình và kết quả đọc, cũng như là sự căng thẳng hoặc sợ hãi mà người học trải qua trong quá trình đọc.

Trong số nhiều nghiên cứu liên hệ giữa việc học ngoại ngữ và sự lo lắng, Saito và nnk (1999) là những người đầu tiên xem xét lo lắng khi đọc một cách độc lập. Saito và nnk (1999: 202-203) cho rằng việc đọc một ngoại ngữ có thể gây ra lo lắng vì hai lý do: hệ thống chữ viết xa lạ và các yếu tố văn hóa xa lạ. Người đọc có thể cảm thấy lo lắng khi nhìn vào các văn bản được viết bằng tiếng nước ngoài và phải giải mã chúng thành âm thanh, liên kết âm thanh với các từ, sau đó cố gắng xử lý ý nghĩa của văn bản. Ngoài ra, người học có thể lo lắng khi có thể giải mã các từ của một văn bản ngoại ngữ, nhưng không hiểu được ý nghĩa của nó, vì không hiểu đầy đủ về yếu tố văn hóa cơ bản của văn bản. Điều này cũng đã được Sellers (2000), Huang (2001) và Shi & Liu (2006) thảo luận. Ngoài hai yếu tố gây lo lắng khi đọc này, Zhao và nnk (2013) cho rằng độ khó của đoạn văn và chủ đề không quen thuộc cũng ảnh hưởng đến sự lo lắng khi đọc. Theo Zhang & Kim (2014), nỗi lo lắng khi đọc có bốn yếu tố. Ngoại trừ hai yếu tố của Saito và nnk (1999), có sự lo lắng về khả năng hiểu và thái độ tiêu cực đối với việc đọc tiếng Hàn.

3. Phương pháp nghiên cứu

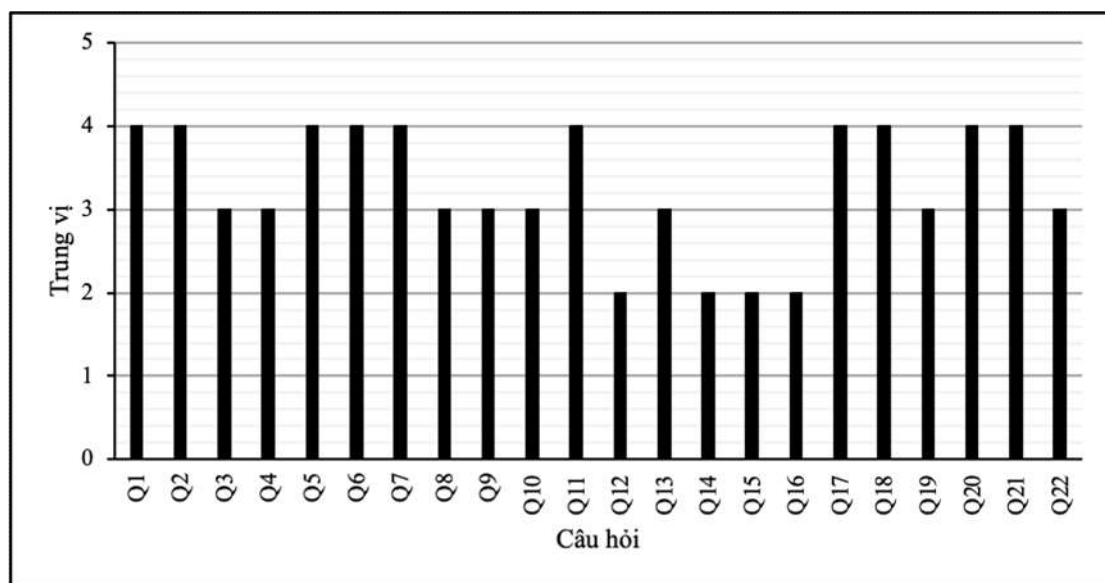
Nghiên cứu sử dụng Thang đo mức độ lo lắng khi đọc ngoại ngữ (FLRAS) do Saito và nnk (1999) và hai mục từ nghiên cứu của Brantmeier (2005) để đo mức độ lo lắng khi đọc của người học tiếng Hàn. FLRAS là thang đo được sử dụng rộng rãi nhất trong các nghiên cứu tìm hiểu về lo lắng khi đọc ngoại ngữ và là thang đo được khuyến nghị để thu thập dữ liệu khi tìm hiểu về lo lắng khi đọc ngoại ngữ (Hitoshi Mikami, 2019:262). Hai mục bổ sung đã được thêm vào là nội dung về đọc văn bản dài và các nhiệm vụ sau khi đọc. Do đó, bảng hỏi được sử dụng có tổng cộng 22 câu hỏi. Mỗi mục được thể hiện trên thang đo Likert 5 mức độ: 1 (hoàn toàn không đồng ý), 2 (không đồng ý), 3 (bình thường), 4 (đồng ý) và 5 (hoàn toàn không đồng ý). Bảng hỏi được thực hiện bằng tiếng Việt. Ngoài ra, một nghiên cứu thí điểm đã được tiến hành với 10 người tham gia để xác nhận tính rõ ràng của cách diễn đạt các mục nhằm hoàn thiện bảng hỏi. Trong số 22 câu hỏi, Q12, Q13, Q14 và Q18 là các câu hỏi đảo ngược đáp án (reverse coding) nhằm loại bỏ tối đa các phiếu điều tra kém chất lượng.

Sau khi hoàn tất khảo sát, tiến hành thống kê giá trị trung bình và trung vị của mỗi mục và thực hiện phỏng vấn để giải thích bổ sung về nguyên nhân gây ra lo lắng khi đọc. Để hiểu sâu hơn về thói quen đọc tiếng Hàn của người học và nỗi lo lắng của sinh viên Việt Nam khi đọc tiếng Hàn, chúng tôi đã yêu cầu họ nêu tài liệu tiếng Hàn khác mà họ đọc, ngoài các bài đọc tiếng Hàn trong môn Đọc (nếu có) và đưa ra lý do cho câu trả lời của mình cho từng câu hỏi trong bảng hỏi và cũng yêu cầu họ tự do nói về những tình huống khiến họ cảm thấy lo lắng trong quá trình đọc tiếng Hàn.

Nghiên cứu này được tiến hành trên tổng số 118 sinh viên năm thứ hai và thứ ba đang theo học chuyên ngành tiếng Hàn tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. Sau khi khảo sát, 5 sinh viên năm thứ hai và 5 sinh viên năm thứ ba trong tổng số sinh viên tham gia được chọn ngẫu nhiên để thực hiện phỏng vấn sâu.

4. Kết quả nghiên cứu

Hình 1 thể hiện kết quả thống kê trung vị của các yếu tố khiến người học cảm thấy lo lắng khi đọc văn bản bằng tiếng Hàn. Trong đó, Q1, Q2, Q5, Q6, Q7, Q11, Q17, Q18, Q20, Q21 có trung vị cao nhất (4), thể hiện mức độ căng thẳng lớn nhất đối với các yếu tố này. Các câu hỏi còn lại có trung vị ở mức (3) và (2), cho thấy mức độ căng thẳng thấp hơn. Giá trị trung bình của mức độ lo lắng tổng thể khi đọc tiếng Hàn là 3,31, ở mức trung bình.



Hình 1. Trung vị mức độ lo lắng khi đọc tiếng Hàn của sinh viên

Giá trị trung bình của các biến khiến người học cảm thấy lo lắng hơn khi đọc tiếng Hàn được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Các biến có mức độ lo lắng cao khi đọc tiếng Hàn của sinh viên

Nội dung	M	t
Q2. Khi đọc tiếng Hàn, có trường hợp dù biết nghĩa của các từ vựng trong bài, tôi vẫn không hiểu tác giả muốn nói gì.	4,10	0,84
Q5. Tôi cảm thấy căng thẳng khi đọc các bài đọc tiếng Hàn về những chủ đề không quen thuộc.	4,00	0,92
Q7. Tôi cảm thấy hoang mang khi đọc các bài đọc tiếng Hàn có từ vựng không biết.	4,00	0,77
Q6. Tôi cảm thấy hoang mang khi đọc các bài đọc tiếng Hàn có những ngữ pháp không biết.	3,92	0,87
Q1. Tôi cảm thấy lo lắng khi đọc các bài đọc tiếng Hàn nếu không biết chính xác mình có hiểu rõ ý nghĩa của bài đọc không.	3,82	0,93
Q18*. Tôi không hài lòng với mức độ năng lực đọc tiếng Hàn của tôi hiện tại.	3,81	0,79
Q20. Để đọc hiểu tiếng Hàn, phải biết nhiều về kiến thức văn hoá, lịch sử Hàn Quốc.	3,79	0,83
Q21. Tôi sợ phải đọc những bài đọc tiếng Hàn dài.	3,62	0,94
Q11. Tôi cảm thấy khó khăn khi phải học thuộc các từ mới để có thể đọc được tiếng Hàn.	3,56	0,93
Q17. Đọc một mình thì không sao, nhưng tôi cảm thấy căng thẳng và không thoải mái khi phải đọc to trước mặt người khác.	3,39	1,12

Nhìn vào Bảng 1, ngoại trừ Q17, hầu hết các biến còn lại đều có giá trị trung bình ở mức ý nghĩa tương đối cao. Điều này cho thấy rằng đa phần sinh viên năm 2 và năm 3 khi đọc văn bản tiếng Hàn thường cảm

thấy lo lắng, căng thẳng do không thể hiểu tổng thể nội dung văn bản (Q1, Q2), chủ đề không quen thuộc (Q5), có từ mới (Q7), ngữ pháp (Q6) không biết, không hài lòng với năng lực cá nhân (Q18), yếu tố văn hoá, lịch sử (Q20), độ dài văn bản (Q21), khả năng ghi nhớ từ vựng (Q11). Trong đó, giá trị trung bình của Q2 “Khi đọc tiếng Hàn, có trường hợp dù biết nghĩa của các từ vựng trong bài, tôi vẫn không hiểu tác giả muốn nói gì”, cao nhất, 4,10. Tiếp theo là Q5 “Tôi cảm thấy căng thẳng khi đọc các bài đọc tiếng Hàn về những chủ đề không quen thuộc” và Q7 “Tôi cảm thấy hoang mang khi đọc các bài đọc tiếng Hàn có từ vựng không biết” với giá trị trung bình là 4,0. Những người học gặp phải những khó khăn này đã giải thích khi được phỏng vấn như sau:

- Tôi có thể tra những từ không biết trong từ điển, nhưng không thể tìm ra cách để xác định chính xác nghĩa toàn bộ bài đọc, vì vậy phần này hơi khó. (N3_2)

- Nếu trong bài có các nội dung đã biết, sẽ cảm thấy dễ hiểu, dễ suy luận hơn, nhưng nếu là chủ đề ít gặp như khoa học, kỹ thuật, y học... thì tôi sẽ không biết là mình không hiểu bài đọc do nội dung đọc khó hay do mình hiểu sai từ, ngữ pháp. (N2_4)

- Tôi nghĩ là từ vựng quan trọng hơn so với việc không biết ngữ pháp. Vì dù không biết ngữ pháp nhưng nếu hiểu được nghĩa các từ tôi vẫn có thể đoán được ý. Nhưng nếu có quá nhiều từ không biết, tôi sẽ thấy rất nản. Có một chủ đề là “khoa học và công nghệ” trong sách Yonsei, tôi thấy rất khó vì chẳng mấy khi gặp trong thực tế. (N3_1)

- Tôi sợ phải đọc những văn bản đầy những từ mà tôi không biết hơn là sợ không biết ngữ pháp. Bởi vì ngay cả khi không biết ngữ pháp, vẫn có thể suy ra ý nghĩa của câu thông qua ý nghĩa của từ. (N3_2)

Qua kết quả phỏng vấn trên, có thể thấy các sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng dễ cảm thấy lo lắng khi gặp nhiều từ vựng không biết hoặc không xây dựng được ý nghĩa của câu, văn bản thông qua ý nghĩa của từ vựng, vì sinh viên chủ yếu dựa vào từ vựng để hiểu ý nghĩa văn bản. Ngoài ra, các giờ học Đọc tiếng Hàn tại Việt Nam thường được tiến hành theo phương pháp Ngữ pháp - Dịch (Grammar-translation Method), bao gồm việc đọc văn bản, dịch sang tiếng Việt và giải thích từ vựng, ngữ pháp, nên một trong những lí do khiến người học cảm thấy lo lắng vì những chủ đề không quen thuộc có thể là vì không biết từ vựng về chủ đề đó. Điều này cho thấy, sinh viên chưa có các chiến lược đọc phù hợp để chủ động khắc phục những vấn đề gặp phải trong quá trình đọc.

Kết quả này có phần tương đồng nhưng cũng có điểm khác biệt so với kết quả của Lee & Park (2019). Sinh viên theo học tại các trường đại học Hàn Quốc có mức độ lo lắng thấp hơn một chút so với sinh viên theo học tại các trường đại học Việt Nam, và nguyên nhân của sự lo lắng không chỉ đến từ khả năng hiểu nội dung tổng thể ($M=3,76$) và chủ đề của văn bản ($M=3,60$) mà còn từ khả năng tiếng Hàn của bản thân ($M=3,69$) và mức độ hiểu biết văn hoá, lịch sử Hàn Quốc. Lí do của sự khác biệt này có thể là do môi trường học và mục đích đọc của hai đối tượng người học này khác nhau. Môi trường học tập tại các lớp tiếng Hàn ở đại học Việt Nam chủ yếu sử dụng tiếng Việt nên người học sẽ ít bị áp lực hơn so với người học trong môi trường lớp học bằng tiếng Hàn, đồng thời, áp lực so sánh với khả năng đọc hiểu tài liệu của sinh viên bản ngữ hầu như không có. Bên cạnh đó, mục đích đọc của sinh viên theo học tại các trường đại học ở Hàn Quốc là mục đích học thuật, tức là sinh viên sẽ chú trọng vào phân tích nội dung hơn là chỉ dừng lại hiểu ở mức nghĩa bề mặt ngôn ngữ như sinh viên có mục đích học ngôn ngữ đang theo học tại các trường đại học ở Việt Nam.

Bảng 2 thể hiện giá trị trung bình của các biến ít khiến người học cảm thấy lo lắng hơn khi đọc tiếng Hàn.

Bảng 2. Các biến có mức độ lo lắng thấp khi đọc tiếng Hàn của sinh viên

Nội dung	M	t
Q22. Khi đọc tiếng Hàn, tôi cảm thấy lo lắng khi phải trả lời câu hỏi hoặc kể lại những gì tôi đọc.	3,58	0,96
Q10. Khi đọc tiếng Hàn, tôi không thể nhớ mình đọc gì nếu xuất hiện những chữ tiếng Hàn lạ.	3,31	0,99

Q19. Tôi không quen với văn hoá và cách suy nghĩ của người Hàn.	3,31	0,86
Q4. Tôi cảm thấy sợ khi phải nhìn thấy các bài đọc toàn tiếng Hàn.	3,25	1,06
Q9. Khi đọc tiếng Hàn, tôi thường cố dịch từng từ.	3,24	1,06
Q3. Khi đọc tiếng Hàn, tôi cảm thấy căng thẳng và bối rối nên không thể nhớ được nội dung đang đọc.	3,14	0,99
Q13*. Tôi không tự tin khi đọc các bài đọc tiếng Hàn.	3,10	0,76
Q8. Tôi cảm thấy bối rối khi đọc các bài đọc tiếng Hàn xuất hiện từ tôi không biết cách phát âm.	2,69	1,00
Q15. Đọc là phần khó nhất khi học tiếng Hàn.	2,36	0,79
Q16. Tôi muốn học nói hơn học Đọc.	2,35	0,86
Q12*. Tôi không thích đọc tiếng Hàn.	2,26	0,78
Q14*. Dù quen rồi, tôi vẫn cảm thấy việc đọc tiếng Hàn khó.	2,24	0,78

Mục có mức độ lo lắng thấp nhất ($M=2,24$) là Q14, đó là “Dù quen rồi, tôi vẫn cảm thấy việc đọc tiếng Hàn khó”. Những kết quả này hỗ trợ cho phân tích trên. Nghĩa là, từ vựng, chủ đề hoặc nhiệm vụ quen thuộc sẽ giúp người học giảm bớt lo lắng khi đọc. Điều này cũng có thể được xác nhận thông qua câu trả lời của người học.

Lúc đầu, tôi cảm thấy bối rối khi gặp phải những từ mà mình không biết, nhưng khi quen hơn với việc đọc tiếng Hàn, tôi nhận ra rằng việc không biết từ là bình thường và điều quan trọng hơn là bỏ qua những từ đó và hiểu ý nghĩa chung. (N3_1)

Tiếp theo Q12. “Tôi không thích đọc tiếng Hàn”, cho thấy mức độ lo lắng thấp thứ hai với điểm trung bình là 2,26. Điều này phù hợp với kết quả của câu hỏi “Bạn có đọc bất kỳ tài liệu đọc nào khác ngoài những tài liệu trong lớp học đọc không?”. 90,68% người học phản hồi tích cực và các tài liệu đọc được đề cập chủ yếu là các bài đăng trên SNS, tin tức, truyền tranh trên web, phụ đề phim, tài liệu Hàn-Anh/Hàn-Việt, tài liệu học tập cho các môn học khác hoặc TOPIK¹, lời bài hát, v.v. Kết quả này cho thấy người học thích đọc văn bản tiếng Hàn, nhưng vì trình độ ngôn ngữ chỉ ở mức sơ trung nên các văn bản ngắn kết hợp với nhiều loại phương tiện khác nhau như âm thanh, phim, ảnh, tài liệu trực quan, v.v. hơn là các văn bản chữ dài như sách, báo. Kết quả này tương đồng với Lee & Park (2019), những người đã tiến hành một cuộc khảo sát trên đối tượng sinh viên Việt Nam tại các trường đại học ở Hàn Quốc, cho thấy mục có mức độ lo lắng thấp nhất là “Tôi muốn học nói hơn học đọc” và “Dù quen rồi, tôi vẫn cảm thấy việc đọc tiếng Hàn khó”.

5. Kết luận và khuyến nghị

Trong nghiên cứu này, phương pháp khảo sát định lượng và phỏng vấn được sử dụng trên đối tượng 118 sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn đang theo học tại đại học Việt Nam. Các kết quả phân tích chính của nghiên cứu cho thấy mức độ lo lắng khi đọc của sinh viên Việt Nam ở mức trung bình. Trong số các mục gây lo lắng khi đọc, mức lo lắng cao nhất liên quan đến việc biết nghĩa của các từ trong văn bản nhưng không hiểu đầy đủ ý đồ của tác giả, chủ đề không quen thuộc và không biết từ vựng. Mặt khác, người học cũng bày tỏ việc thích đọc tiếng Hàn và nếu quen với việc đọc bằng tiếng Hàn rồi sẽ không thấy quá khó khăn hay áp lực.

Mặc dù nghiên cứu này chỉ mới cho thấy một cách sơ lược nhất những lo lắng, bất an mà sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn có thể gặp phải khi đọc các văn bản tiếng Hàn, tuy nhiên dựa trên kết quả phân tích có thể đề xuất hai định hướng giảng dạy Đọc tiếng Hàn như sau.

Đầu tiên, cần giảm sự phụ thuộc của người học vào vốn từ vựng. Do người học tiếng Việt dựa vào từ vựng để xây dựng ý nghĩa của văn bản nên họ dễ cảm thấy lo lắng khi gặp phải nhiều từ mà họ không biết hoặc khi họ không thể xây dựng ý nghĩa của câu hoặc văn bản thông qua ý nghĩa của từ vựng. Do đó, giáo viên có thể dạy các chiến lược trên xuống² để người học dựa vào kiến thức của về cú pháp, ngữ nghĩa, cấu trúc diễn ngôn và nội dung của văn bản, kiến thức nền, v.v nhiều hơn để phân tích văn bản.

Thứ hai, để giảm bớt sự lo lắng của sinh viên khi đọc, có thể cân nhắc việc thêm phương tiện truyền thông thực tế, mới lạ vào các bài đọc hoặc sử dụng các văn bản phi tuyến tính (non-linear text). Điều này có thể làm tăng động cơ đọc cho người học, và các văn bản phi tuyến tính yêu cầu người đọc phải chủ động liên kết các nội dung trong văn bản sẽ giúp người học trở nên chủ động hơn.

¹ Kỳ thi năng lực tiếng Hàn

² Chiến lược trên xuống là chiến lược đọc đặt trọng tâm vào người đọc và giúp hiểu tổng thể văn bản bằng cách xử lý các yếu tố logic của văn bản (Nguyễn Thị Bình Sơn, 2017, tr. 34).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ehrman, M. E., & Oxford, R. L. 1 (1995), "Cognition plus: Correlates of language learning success." *The Modern Language Journal*, 79, 67-89.
2. Hitoshi Mikami(2019), "Reading anxiety scales: Do they measure the same construct?", *Reading in a Foreign Language*, Volume 31, No. 2, 249-268.
3. Horwitz, E. K., Horwitz, M. B. & Cope, J. (1986), "Foreign Language Classroom Anxiety", *The Modern Language Journal* 70(2), 125-132.
4. Huang, H. Y. (2001), "Chinese university foreign language students' anxiety about reading in English" (Unpublished doctoral dissertation). Washington State University, Pullman, WA.
5. Jang, H. (2014), "중국인 한국어 학습자의 읽기 불안과 읽기 전략 연구", 석사학위 논문, 경희대학교 일반대학원.
6. Jang, H. & Kim, Y. J. (2014), "중국인 한국어 학습자의 읽기 불안 연구", *언어학연구*, Vol.0 No.32, 중원언어학회, 229-253.
7. Lee, D. S. (2020), "인터뷰를 통한 베트남인 한국어 학습자의 읽기 불안 연구", 『우리말연구』 제 61 집, 우리말학회, 143-182.
8. Lee, D. S., & Park, S. H. (2019), "베트남인 한국어 학습자의 읽기 불안 연구: 초·중급을 중심으로", *학습자중심교과교육연구*, 제 19 권 제 18 호, 학습자중심교과교육학회, 271-289.
9. Lee, E. J., Kwon, Y. J. (2019), "한국어 학습자의 읽기 불안 양상에 관한 연구", *학습자중심교과교육연구* Vol.19 No.11, 학습자중심교과교육학회, 501-520.
10. Lee, H. S. (2012a), "읽기 동기 및 불안과 한국어 읽기의 관계에 관한 연구", *영남대학교 박사학위논문*.
11. Lee, H. S. (2012b), 「읽기 연구 방법을 사용한 한국어 학습자의 읽기 불안에 관한 연구」, *한국언어문화학* 9-1, 국제한국언어문화학회, 221-245.
12. Li, X. C. (2010), "한국어 학습자의 읽기 불안이 읽기 전략 사용에 미치는 영향", *언어와 문화* 6(3), *한국어문화교육학회*, 107-133.
13. MacIntyre, P. D., & Gardener, R. C.(1994), "How does anxiety affect second language learning? A reply to Sparks and Ganschow." *The Modern Language Journal*. 79.1, 90-99.
14. Myat, N. S. (2019a), "미얀마인 학습자의 한국어 읽기 불안과 학습 불안 연구", *언어사실과 관점*, Vol. 48, 연세대학교 언어정보연구원, 571-597.

15. Myat, N. S. (2019b), “미얀마인 학습자의 한국어 읽기 불안과 학습자 변인의 관계”, 학습자중심교과교육연구, Vol.19, 학습자중심교과교육학회, 989-1010.
16. Nguyen, T. B. S. (2017), “A study on Korean reading strategies education for Vietnamese students”, Seoul National University, College of Education, M.A. thesis.
17. Park, H. J. (2018), “한국어 읽기 불안도와 불안 요인의 상관성: 중급 수준의 한국어 학습자를 대상으로”, 우리어문연구 60 집, 우리어문학회, 361-393.
18. Park, H. J. (2020), “초급 한국어 학습자의 읽기 불안 요인 연구”, 우리어문연구 Vol.66, 우리어문학회, 337-366.
19. Park, H. J. & Kim, J. E. (2017a), “외국인 학부생의 한국어 읽기 불안과 학업 성취도의 관계: 고급 수준의 한국어 학습자를 대상으로”, 이중언어학, 제 67 호, 이중언어학회, 129-160.
20. Park, H. J. & Kim, J. E. (2017b), “불안 요인이 제 2 언어 학습자의 읽기 불안 증감에 미치는 차별적 영향”, 외국어교육연구 Vol.31 No.2, 외국어교육연구, 277-299.
21. Saito, Y., Garza, T. J., & Horwitz, E. K. (1999), “Foreign language reading anxiety”. The Modern Language Journal, 83(2), 202-218.
22. Sellers, V. D. (2000), “Anxiety and reading comprehension in Spanish as a foreign language”. Foreign Language Annals, 33(5), 512-520.
23. Shi, Y. Z. and Liu, Z. Q. (2006), “Foreign language reading anxiety and its relationship to 151 English achievement and gender”. Journal of PLA University of Foreign Languages 29, 59-65.
24. Zhang, H. & Kim, Y. (2014), “Foreign language reading anxiety: Chinese learners of Korean”. Studies in Linguistics, 32, 21-45.
25. Zhao, A., Dynia, J., & Y. Guo. (2013), “Foreign language reading anxiety: Chinese as a foreign language in the United States”. The Modern Language Journal, 97(3), 764-778.

**Reading anxiety among students of the Department of Korean Language and Culture,
University of Foreign Language Studies, The University of Danang**

Abstract: This study investigates Korean reading anxiety among 118 Vietnamese university students majoring in Korean language using quantitative surveys and interviews. The findings indicate that students experience a moderate level of reading anxiety. The most significant anxiety triggers include understanding individual words in a text but failing to grasp the author's intent, encountering unfamiliar topics, and lacking sufficient vocabulary. Conversely, the learners expressed enjoyment in reading Korean and noted that reading becomes less challenging or stressful once they are accustomed to it. This study provides an initial exploration of the anxieties faced by Vietnamese Korean language majors when reading Korean texts, and suggest two potential directions for improving Korean reading instruction.

Key words: reading anxiety; Korean reading skills; Korean language majors; Korean reading instruction; learning Korean in Vietnam.